TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Quỳnh Nga**

2. Bà **Nguyễn Thị Thọ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Văn Sanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2018/QĐST-HN ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Ngọc P, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố D, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố D, phường N, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2018, bản tự khai ngày 08/6/2018, bản tường trình ngày 08/6/2018; biên bản hòa giải ngày 08/6/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Ngọc P trình bày:

Về hôn nhân: Ông Lê Ngọc P và bà Nguyễn Thu H tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Vợ chồng sống chung nhưng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, sống chung với gia đình chồng nhưng bà H không tôn trọng phía gia đình ông P khiến vợ chồng khó hòa thuận. Năm 2015 vợ chồng ra ở riêng

nhưng vẫn không hạnh phúc, nguyên nhân do bà H tự tách biệt ra khỏi với gia đình ông P. Do mâu thuẫn vợ chồng nên ông P đã dọn ra ngoài để sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay. Nay ông P không còn tình cảm gì với bà H nên yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Bảo H, sinh ngày 30/11/2010 và Lê Nguyễn Bảo V, sinh ngày 25/11/2013. Trường hợp vợ chồng ly hôn ông P đồng ý để cho bà H trực tiếp nuôi 02 con chung, ông P chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, cụ thể mỗi con 2.500.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông P xác nhận vợ chồng không nợ ai.

Theo bản tự khai ngày 08/6/2018; biên bản hòa giải ngày 08/6/2018 bị đơn bà Nguyễn Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thu H thừa nhận quá trình sống chung, đăng ký kết hôn như ông P trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Bản thân bà H luôn cố gắng để sống phù hợp với tính cách của ông P. Do bà H ghen tuông ông P có người phụ nữ khác nên đã tìm gặp người phụ nữ này, do đó ông P đã làm đơn ly hôn. Nay bà H vẫn còn tình cảm với ông P nên bà không đồng ý ly hôn và muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Bảo H, sinh ngày 30/11/2010 và Lê Nguyễn Bảo V, sinh ngày 25/11/2013. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 6.000.000 đồng, cụ thể mỗi con là 3.000.000 đồng. Bà H hiện nay đang làm kế toán, thu nhập bình quân mỗi tháng 5.000.000 đồng. Về tài sản bà H không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không nợ ai.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Ngọc P cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của các con (bản sao); giấy xác nhận mức lương (bản chính); còn bị đơn bà Nguyễn Thu H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định ông Lê Ngọc P và bà Nguyên Thu H sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là

vợ chồng. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2018, bà H không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để đoàn tụ gia đình. Do vậy ông P yêu cầu ly hôn với bà H là có căn cứ cần chấp nhận. Về nuôi con chung cần giao 02 con chung tên là Lê Nguyễn Bảo H, sinh ngày 30/11/2010 và Lê Nguyễn Bảo V, sinh ngày 25/11/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông P cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, cụ thể mỗi con là 2.500.000 đồng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản các đương sự không yêu cầu giải quyết, vợ chồng xác nhận không nợ ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thu H là phù hợp theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Ngọc P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xét thấy:

2.1 Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 40 quyển 02 ngày 11/5/2010 của UBND xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu cấp cho ông Lê Ngọc P và bà Nguyễn Thu H, Hội đồng xét xử đủ cơ sở khẳng định: ông P và bà H tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Mặc dù bà H đã cố gắng để vợ chồng hòa hợp nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn xảy ra. Trầm trọng nhất là vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 02/2018 cho đến nay. Bà H không đồng ý ly hôn vì cho rằng bản thân đang cố gắng thay đổi nhưng cho đến tại phiên tòa hôm nay bà H vắng mặt và không đưa ra được biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Bà H cho rằng ông P có quan hệ với người phụ nữ khác nên mới làm đơn ly hôn nhưng ông P không thừa nhận lời khai này, bà H cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh nên lời khai này là không có căn cứ. Như vậy, ông P vẫn cương quyết ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận cho ông P được ly hôn với bà H theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về nuôi con chung:

Qúa trình sống chung vợ chồng có sinh được 02 con chung tên là Lê Nguyễn Bảo H, sinh ngày 30/11/2010 và Lê Nguyễn Bảo V, sinh ngày 25/11/2013. Ông P, bà H thỏa thuận giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thu H

trực tiếp nuôi dưỡng, con chung Lê Nguyễn Bảo H cũng có nguyện vọng được ở với bà H. Do vậy, giao 02 chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thu H yêu cầu ông Lê Ngọc P phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng, ông P chỉ đồng ý cấp dưỡng 5.000.000 đồng, xét thấy: Căn cứ vào lời khai của ông P, giấy xác nhận mức lương do Ban chỉ huy quân sự thành phố B cung cấp thì ông P có mức thu nhập tháng 7/2018 là 9.035.000 đồng (chín triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng). Bà H yêu cầu cấp dưỡng hơn ½ tiền thu nhập của ông P nên mức yêu cầu này là quá cao, số tiền còn lại là 3.035.000 đồng không đảm bảo chi phí sinh hoạt cho ông P. Đối với mức cấp dưỡng mà ông P đồng ý là 5.000.000 đồng, mặc dù mức cấp dưỡng này còn cao so với thu nhập của ông P nhưng đây là sự tự nguyện và tự định đoạt của ông P nên cần chấp nhận mức cấp dưỡng này. Do vậy ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi con 2.500.000 đồng/tháng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), tổng số tiền ông P phải cấp dưỡng mỗi tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, số tiền cấp dưỡng được giao cho bà H để nuôi con, thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2.3 Về chia tài sản: Ông P, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Ông P, bà H xác nhận vợ chồng không nợ ai.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Ngọc P phải nộp tiền án phí hôn nhân và đình sơ thẩm và phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc P về việc "Ly hôn , tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với bị đơn bà Nguyễn Thu H.

1. Về hôn nhân: Ông Lê Ngọc P được ly hôn với bà Nguyễn Thu H.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Bảo H, sinh ngày 30/11/2010 và Lê Nguyễn Bảo V, sinh ngày 25/11/2013.

Giao 02 con chung tên là Lê Nguyễn Bảo H, sinh ngày 30/11/2010 và Lê Nguyễn Bảo V, sinh ngày 25/11/2013 cho bà Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho khi đủ 18 tuổi. Ông Lê Ngọc P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi con 2.500.000 đồng/tháng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), tổng số tiền ông P phải cấp dưỡng mỗi tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, số tiền cấp dưỡng được giao cho bà Nguyễn Thu H để nuôi 02 con chung, thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, ông P và bà H đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về chia tài sản: Ông P, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông P, bà H xác nhận vợ chồng không nợ ai.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

+ Nguyên đơn ông Lê Ngọc P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002198 ngày 09/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Nguyên đơn ông Lê Ngọc P còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bán án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Ria-Vũng Tàu
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- CCTHADS TP. Bà Rịa;
- UBND xã Tân Hưng, TP. Bà Rịa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Cường